

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HNGĐ-ST

Ngày: **17/6/2020**.

*"Về việc tranh chấp Ly hôn".*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX ngày 22/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số /2020/QĐXX ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1998.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Thôn TĐ, xã HD, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn D**, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn BT, xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt tại phiên tòa; anh D vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Trần Thị Thiết trình bày:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị xác định có được tự do tìm hiểu anh D và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có những quan điểm trái ngược nhau không có tiếng nói chung, thường xuyên

ghen tuông vô cớ. Vì vậy xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh D nhiều lần mắng nhiếc chị, đuổi chị ra khỏi nhà, mặc dù mới cưới nhau nhưng cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian nhưng được hai bên gia đình khuyên giải, anh D xin lỗi nên lại quay về đoàn tụ vợ chồng với anh D, chị đồng viên anh D vợ chồng cùng cố gắng phối hợp để có thể sinh con chung nhưng anh D không những không hợp tác với chị mà lại chứng nào tật ấy nên mâu thuẫn lại xảy ra đến trầm trọng. Do không thể nhẫn nhịn được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị tại NG ở tháng 7/2019 và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh D, anh đã nhận đầy đủ, biết nội dung chị khởi kiện nhưng anh D không chấp hành pháp luật, không đến Trụ sở Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh D thể hiện coi thường pháp luật, gây phiền hà cho chị, biết chị ở NG đi lại vất vả nhưng anh D đã và đang có hành động trêu người, hành hạ chị nên chị cương quyết đề nghị Tòa án đưa vụ án xét xử cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị H khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là Đỗ Văn D, anh D đã trực tiếp nhiều lần nhận, đồng thời thông qua người thân (mẹ đẻ của anh D là bà Đỗ Thị T) cùng chung sống với anh D. Mặt khác, Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh D vẫn không đến Trụ sở Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Do anh D không chấp hành pháp luật nên chị Hồng có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại khu dân cư nơi vợ chồng anh chị sinh sống để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thì, thông qua bà Đỗ Thị T là mẹ đẻ của anh D, xác định: “Anh D đã biết và hiểu rõ nội dung yêu cầu

khởi kiện của chị H đó là chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D. Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án gửi về địa chỉ nhà bà anh D là người trực tiếp nhận và bà nhận thay nhưng sau đó bà đã giao tận tay cho anh D. Anh D nhờ bà thông báo cho Tòa án biết quan điểm của anh D về việc chị H xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị Hồng, bởi vợ chồng anh đã có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không tôn trọng anh có nhiều mối quan hệ không lành mạnh khiến anh bức tức nên anh xác định cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị Hồng. Anh D đề nghị Toà giải quyết vụ án anh đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh sẽ không gặp lại chị H và anh cũng không đến Trụ sở Tòa án, trụ sở UBND phường theo công văn của Tòa án mà Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh theo qui định của pháp luật, ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác. Về các tài liệu chứng cứ mà chị H đã giao nộp cho Tòa án trong quá trình thu thập các tài liệu này có liên quan đến nhân thân, lai lịch của vợ chồng nên anh D được biết. Anh xác định các tài liệu này đã đầy đủ cho yêu cầu khởi kiện của chị Hồng, anh không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì thêm ngoài chứng minh nhân dân của anh và anh cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng vì các tình tiết liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị H đã có đủ tài liệu, căn cứ để chứng minh. Đối với nội dung bản tự khai của chị H giao nộp cho Tòa án, anh cũng không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai của bà T, xác nhận toàn bộ giấy tờ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án như chị H trình bày trên anh D đều được nhận đầy đủ và không có ý kiến gì. Đồng thời bà T xác định các con bà đã sống ly thân mỗi người một nơi, từ ngày chị H về nhà bố mẹ đẻ thì không quay lại nhà bà và không liên lạc gì với anh D, nay bà khẳng định các con không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật cho các con bà sớm được ổn định tâm lý và an tâm đi làm.

Tại biên bản xác minh tại UBND phường TH, thành phố HD được đồng chí công chức tư pháp phường, đại diện phụ nữ khu dân cư đều xác định chị H và anh D là vợ chồng hợp pháp, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, thành phố HD. Trước khi kết hôn đã chung sống tại khu dân cư một thời gian, sau khi kết hôn thì sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần vợ chồng đánh cãi chửi nhau thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian, mâu thuẫn căng thẳng thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở NG từ tháng 7/2019 cho đến nay. Việc vợ chồng chị H và anh D xảy ra mâu thuẫn hàng xóm xung quanh mọi người đều biết, đại diện phụ nữ khu dân

cư đã trực tiếp động viên, can thiệp nhiều lần nhưng vợ chồng không hòa hợp được. Nay, đề nghị Tòa án xem xét căn cứ các qui định của pháp luật giải quyết vụ án dứt điểm để hai người đều sớm được ổn định cuộc sống và tinh thần an tâm đi làm.

Tại phiên toà hôm nay, chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án xử cho bà ly hôn với anh D. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Hồng, cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Văn D; Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 cho anh D nhận trực tiếp; thông qua những người thân (mẹ đẻ anh D) cùng cư trú với địa chỉ của anh D nhận thay và đã giao lại cho anh D nhận đầy đủ nhưng vẫn không có mặt tại các buổi làm việc Trụ sở Tòa án án theo giấy triệu tập của Tòa án. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh D thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án

vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Hà Thị H và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, thành phố HD vào ngày 13/3/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp; sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, trái ngược nhau về suy nghĩ và hành động, không có tiếng nói chung, thiếu niềm tin ở nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do vậy, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại NG ở tháng 7/2019 và vợ chồng cũng ly thân từ đó, trong suốt thời gian vợ chồng ly thân không liên lạc, quan tâm gì tới nhau. Chị H xin ly hôn anh D, mặc dù anh D có mặt tại gia đình nhưng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến hay quan điểm trực tiếp; đồng thời cũng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, có thể nói anh D không thiện chí hàn gắn tình cảm và đoàn tụ vợ chồng với chị Hồng T. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị H và anh D không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ** Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. *Về án phí:* Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000920 ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn là chị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường TH, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Tố Uyên**